TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG

Bản án số: 68/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20 -11-2019
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Thái Ngọc**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Hoàng Việt**.

2. Ông **Trần Minh Nhẫn**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thạch Thị Sa The** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng *tham gia phiên toà:* Ông **Trần Văn Hướng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2019/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 7 năm 2019 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Giang Mỹ X**, sinh năm 1971;

Nơi cư trú: Số G, ấp P, thị trấn L, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (có mặt);

- *Bị đơn:* Ông **Triệu Tấn T**, sinh năm 1971;

Nơi cư trú: Số G, ấp P, thị trấn L, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 12-7-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Giang Mỹ X trình bày:***

Vào năm 1995, được sự chấp thuận của hai bên gia đình bà Giang Mỹ X và ông Triệu Tấn T tổ chức lễ cưới và tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn. Bà Giang Mỹ X ông Triệu Tấn T được Ủy ban nhân dân xã L, huyện Long Phú (nay thuộc huyện Trần Đề) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20-7-1995 *(giấy chứng nhận kết hôn không có ghi số, quyển)*.

Sau khi kết hôn vợ chồng bà X ông T chung sống tại số G, ấp P, thị trấn L, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau kéo dài. Nguyên nhân là do ông T xúc phạm, hạ nhục danh dự cha mẹ của bà X đã qua đời và dùng những lời lẽ thô tục nên bà X không thể chịu đựng được nữa. Do cảm thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà X đưa ra yêu cầu được ly hôn với ông T. Hiện tại bà X và ông T vẫn ở chung gia đình.

Quá trình chung sống, bà X ông T có ba người con chung tên: Triệu Đoan N, sinh ngày 10-8-1996; Triệu Đoan N1, sinh ngày 01-12-2000 và Triệu Giang Thanh T1, sinh ngày 08-7-2004. Cả ba người con chung đều đang ở cùng địa chỉ với vợ chồng bà X ông T.

Về tài sản chung bà X xác định tự thỏa thuận với ông T. Về nợ chung bà X xác định không có.

Nay bà Giang Mỹ X yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Giang Mỹ X yêu cầu được ly hôn với ông Triệu Tấn T.

- Về quan hệ con chung: Bà Giang Mỹ X yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Triệu Giang Thanh T1, sinh ngày 08-7-2004 đến khi thành niên, bà X không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng cho con chung. Đối với hai người con chung Triệu Đoan N, sinh ngày 10-8-1996 và Triệu Đoan N1, sinh ngày 01-12-2000 đã thành niên, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Giang Mỹ X xác định tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung đối với ông T.

- Về nợ chung: Bà Giang Mỹ X xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung đối với ông T.

Kèm theo đơn khởi kiện bà Giang Mỹ X đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm có:

+ Giấy chứng nhận kết *hôn (không ghi số, quyển)* do Ủy ban nhân dân xã L, huyện Long Phú cấp ngày 20-7-1995;

+ Trích lục khai sinh số 537/TLKS-BS ngày 09-7-2019 mang tên Triệu Đoan N, sinh ngày 10-8-1996;

+ Bản sao Giấy khai mang tên Triệu Đoan N1, sinh ngày 01-12-2000;

+ Bản sao Giấy khai sinh mang tên Triệu Giang Thanh T1, sinh ngày 08-7-2004;

* ***Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành ghi ý kiến của cháu Triệu Giang Thanh T1 để xem xét nguyện vọng:***

Cháu Triệu Giang Thanh T1 có nguyện vọng được sống cùng với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng cũng như hỗ trợ cho nguyên đơn trong việc gửi các tài liệu chứng cứ cho ông Triệu Tấn T. Ông T đã trực tiếp nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, tuy nhiên ông T không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không đến Tòa án theo giấy triệu tập.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Giang Mỹ X vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Triệu Tấn T; Yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Triệu Giang Thanh T1, sinh ngày 08-7-2004 đến khi thành niên và bà X không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng cho con chung. Bà X không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy tình cảm vợ chồng bà Giang Mỹ X và ông Triệu Tấn T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Giang Mỹ X cho vợ chồng bà X ông T ly hôn. Về con chung giao cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng và ông T không phải cấp dưỡng cho con chung. Về tài sản chung đương sự xác định tự thỏa thuận và nợ chung đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét. Ngoài ra còn buộc bà Giang Mỹ X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 12-7-2019, bà Giang Mỹ X yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn với ông Triệu Tấn T có nơi cư trú tại số G, ấp P, thị trấn L, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về xét xử vắng mặt đối với đương sự: Bị đơn ông Triệu Tấn T vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn Giang Mỹ X:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1995 bà Giang Mỹ X và ông Triệu Tấn T kết hôn theo phong tục truyền thống, có tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L cấp giấy chứng nhận kết hôn *(không số, quyển)*, ngày 20-7-1995. Theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Giang Mỹ X và ông Triệu Tấn T là hợp pháp.

[3.2] Theo nội dung trình bày trong đơn khởi kiện của bà X: Sau khi kết hôn, vợ chồng bà X ông T sống tại số G, ấp P, thị trấn L. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau kéo dài. Nguyên nhân là do ông T xúc phạm, hạ nhục danh dự cha mẹ của bà X đã qua đời và dùng những lời lẽ thô tục nên bà X không thể chịu đựng được nữa. Do cảm thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà X đưa ra yêu cầu được ly hôn với ông T. Hiện tại bà X và ông T vẫn ở chung gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy những nội dung này đã được gửi trực tiếp cho ông Triệu Tấn T nhận sau khi thụ lý vụ án. Tuy nhiên ông T không có ý kiến hay phản đối những tình tiết, sự kiện trên. Đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Bà X đã xác định không thể chịu đựng được nữa nên yêu cầu ly hôn với ông T. Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng bà X ông T hàn gắn tình cảm, tuy nhiên ông T đều vắng mặt. Việc này đã thể hiện việc ông T không muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà X. Vì vậy Tòa án không tổ chức được phiên hòa giải để các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Giang Mỹ X cho bà X được ly hôn với ông Triệu Tấn T.

[3.3] Về con chung: Theo nội dung các giấy khai sinh và lời trình bày của bà Giang Mỹ X xác định vợ chồng bà X ông T có ba người con chung hiện đang ở cùng gia đình với bà X ông T. Nên có cơ sở xác định vợ chồng bà X ông T có ba người con chung tên:

Triệu Đoan N, sinh ngày 10-8-1996; Triệu Đoan N1, sinh ngày 01-12-2000 và Triệu Giang Thanh T1, sinh ngày 08-7-2004. Bà Giang Mỹ X yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Triệu Giang Thanh T1, sinh ngày 08-7-2004 đến khi thành niên và không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con chung. Vấn đề này Hội đồng xét xử xét thấy rằng cháu Triệu Giang Thanh T1 đã đủ 07 tuổi và có nguyện vọng được sống cùng với mẹ khi cha mẹ ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà X giao cháu Triệu Giang Thanh T1 cho bà Giang Mỹ X được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Đối với hai con tên Triệu Đoan N và Triệu Đoan N1 hiện nay đã trưởng thành. Theo bà X trình bày thì cả hai cháu Nguyên và Nguyện không bị dị tật, có khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét đối với vấn đề này.

[3.4] Về cấp dưỡng: Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con là thiêng liêng do ông T là người không trực tiếp nuôi con nên có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con và có quyền, nghĩa vụ thăm non con chung mà không ai được cản trở. Do bà Giang Mỹ X xác định không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng cho con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nhưng ông T có quyền, nghĩa vụ thăm non con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Bà Giang Mỹ X xác định tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Giang Mỹ X xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do đó trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu án sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy bà Giang Mỹ X chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Ông Triệu Tấn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bà Giang Mỹ X có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông Triệu Tấn T có quyền kháng cáo bản này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề phát biểu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Giang Mỹ X.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Giang Mỹ X được ly hôn với ông Triệu Tấn T. Quan hệ hôn nhân giữa bà Giang Mỹ X ông Triệu Tấn T theo giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã L, huyện Long Phú (nay thuộc huyện Trần Đề), tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 20-7-1995 chấm dứt kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Triệu Giang Thanh T1, sinh ngày 08-7-2004 (hiện nay Triệu Giang Thanh T1 đang sống chung với bà X ông T) cho Giang Mỹ X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Ông Triệu Tấn T không phải cấp dưỡng cho con chung. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông Triệu Tấn T mà không ai được cản trở. Ông Triệu Tấn T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà Giang Mỹ X.

3/ Về tài sản chung: Bà Giang Mỹ X xác định tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4/ Về nợ chung: Bà Giang Mỹ X xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Giang Mỹ X phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005814, ngày 19-7-2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (bà X đã thực hiện xong). Ông Triệu Tấn T không phải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Giang Mỹ X có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Ông Triệu Tấn T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P. KT, NV&THA);
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Thái Ngọc